

MARKET INSIGHTS REPORTS

29/05/2023

KHÚC CUA QUAN TRỌNG SỐ 1 CỦA VN-INDEX



NHỊP ĐẬP THỊ TRƯỜNG

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Long White Candle”. Khối lượng giao dịch tăng và nằm trên trung bình 20 ngày. Giá tăng khối lượng tăng là tín hiệu tốt về mặt kỹ thuật.

Các điểm cần lưu ý: (i) VN-Index đã có một “Break out” khỏi kênh kháng cự của mẫu hình tam giác. “Break out” với sự kết hợp của khối lượng, độ rộng mã dẫn dắt và hiện tượng đầu cơ luôn là tín hiệu tốt về mặt kỹ thuật. (ii) Hiện cô phiếu đang đối mặt với kháng cự MA(200) ngày. Một “Break out” tại khu vực kháng cự này cũng sẽ xác nhận chỉ số sẽ trở lại xu hướng tăng giá dài hạn. (iii) Khối ngoại đã quay trở lại mua ròng cũng là tín hiệu tốt giảm áp lực với nhóm VN30. Điều này lập tức đẩy chỉ số tăng điểm mạnh hơn và sự hào hứng đã xuất hiện. (iv) ADX(14) bắt đầu tăng lên và có dấu hiệu thoát khỏi xu hướng đi ngang. Tín hiệu này một lần nữa cho thấy thị trường đang giao dịch tốt. (v) Trong báo cáo chu kỳ thị trường mà chúng tôi gửi tới nhà đầu tư, chúng tôi nhận thấy chu kỳ tạo đáy đang lặp lại và điều này thể hiện rõ ở phân lớp cổ phiếu tăng giá đang khá giống với những gì chúng tôi kỳ vọng. Về mặt này, nhà đầu tư có thể sử dụng chiến lược phân bổ 5-3-2 và mua vào nắm giữ cổ phiếu sẽ đạt hiệu suất cao hơn.

Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 11 mã cho tín hiệu mua, 02 mã cho tín hiệu bán, 17 mã cho tín hiệu đi ngang. GVR, VHM, PLX, GAS... cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất tăng điểm là 50% và 100% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Thống kê cho thấy chỉ số sẽ giao dịch giằng co giữa tăng và giảm điểm với giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa vào ngày tiếp theo. Hỗ trợ là 1,018 điểm và kháng cự là 1,100 điểm.

Hỗ trợ và kháng cự cổ phiếu trong ngày (EOD)

Các cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến trong ngày

Danh mục cổ phiếu đáng quan tâm vào ngày mai

Biểu đồ trong ngày:

- Cập nhật KQKD Q1/2023 của các công ty chứng khoán;

TTCK Mỹ: Dự báo tối nay các chỉ số sẽ tăng điểm .

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	446
Số cổ phiếu không có giao dịch	27
Số cổ phiếu tăng giá	324 / 68.50%
Số cổ phiếu giảm giá	69 / 14.59%
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	80 / 16.91%

HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	245
Số cổ phiếu không có giao dịch	88
Số cổ phiếu tăng giá	148 / 44.44%
Số cổ phiếu giảm giá	55 / 16.52%
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	130 / 39.04%

UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	370
Số cổ phiếu không có giao dịch	494
Số cổ phiếu tăng giá	221 / 25.58%
Số cổ phiếu giảm giá	91 / 10.53%
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	552 / 63.89%

GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	28,722,323	22,762,992	5,959,331
% KL toàn thị trường	3,40%	2,69%	
Giá trị	784,62 tỷ	659,19 tỷ	125,42 tỷ
% GT toàn thị trường	6,74%	5,66%	

HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	717,400	396,030	321,370
% KL toàn thị trường	0,55%	0,30%	
Giá trị	17,94 tỷ	8,00 tỷ	9,95 tỷ
% GT toàn thị trường	1,17%	0,52%	

UPCOM

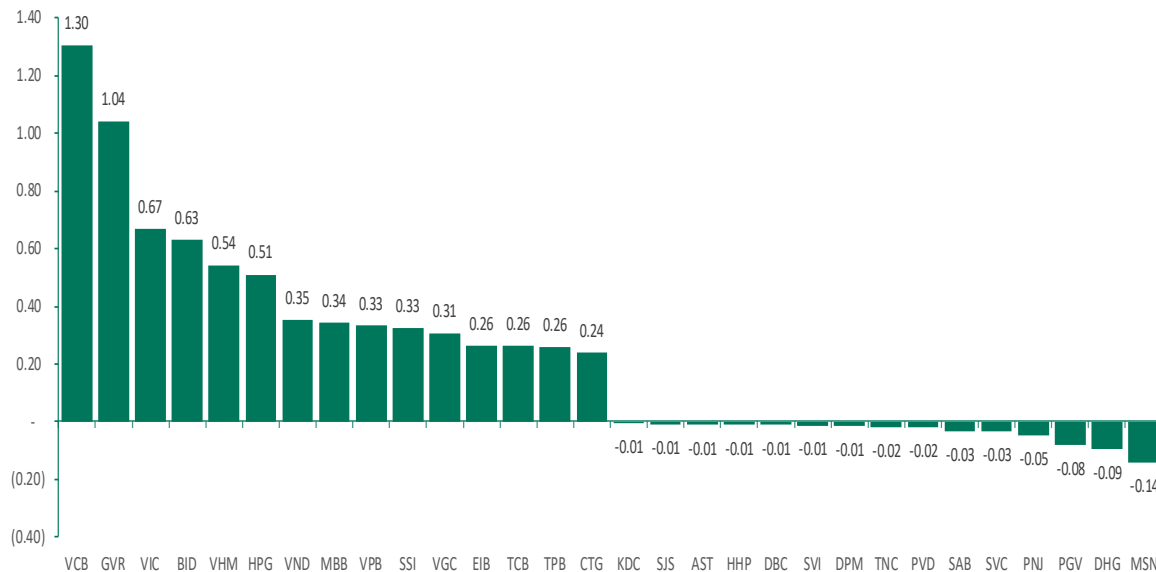
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	283,633	307,964	-24,331
% KL toàn thị trường	0,46%	0,50%	
Giá trị	4,83 tỷ	8,57 tỷ	-3,74 tỷ
% GT toàn thị trường	0,85%	1,50%	

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG (TT)

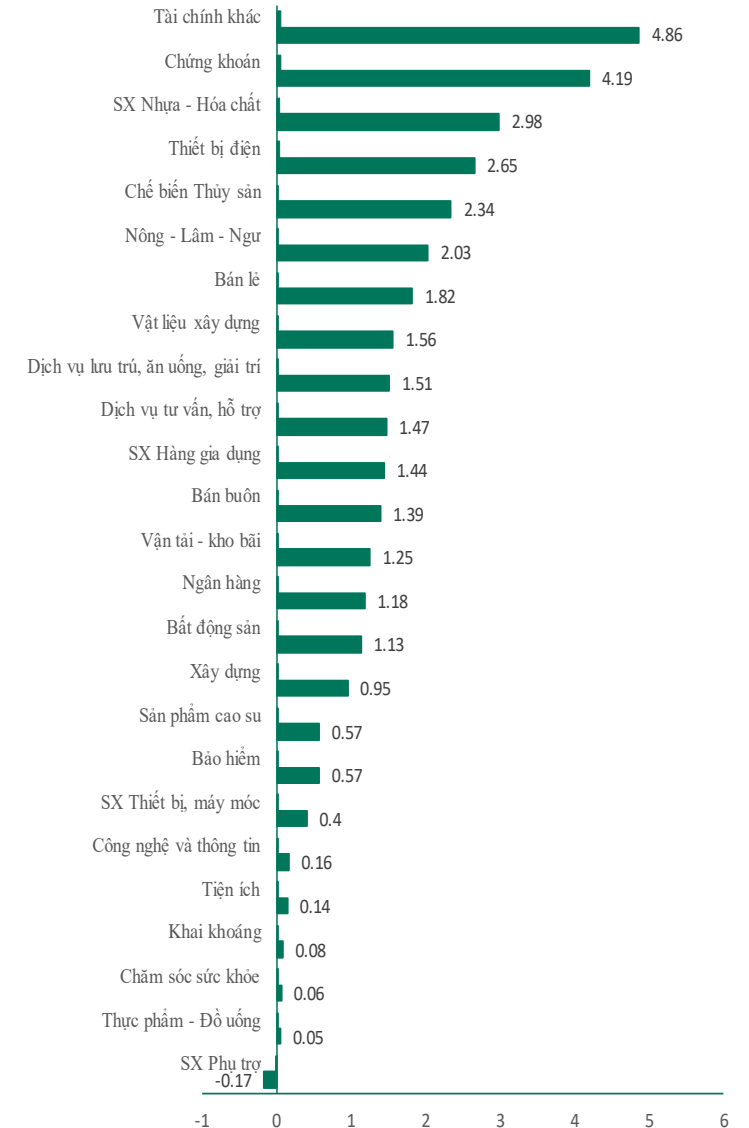
TÓP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VCB	590,500	93,100	1,100 (1.2%)	15.99	3.05	5,821	440,597
2	VHM	1,606,200	55,500	500 (0.91%)	8.38	1.51	6,621	241,667
3	BID	668,100	43,900	500 (1.15%)	14.05	2.02	3,125	222,069
4	VIC	1,381,300	52,700	700 (1.35%)	22.26	1.47	2,367	200,994
5	GAS	415,700	93,800	100 (0.11%)	12.26	2.78	7,649	179,529
6	VNM	1,043,600	67,100	0 (0%)	18.47	4.06	3,632	140,236
7	CTG	2,860,900	28,000	200 (0.72%)	8.02	1.19	3,491	134,561
8	VPB	7,043,800	19,350	200 (1.04%)	7.12	1.24	2,718	129,900
9	HPG	11,091,800	21,450	350 (1.66%)	14.77	1.29	1,452	124,727
10	TCB	2,765,200	30,200	300 (1%)	5.28	0.90	5,725	106,221

TÓP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI CHỈ SỐ VN-INDEX



TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH TRONG NGÀY



TTCK VIỆT NAM: Khúc cua quan trọng số 1 của VN-Index - Vùng kháng cự dài hạn liệu có chinh phục thành công ?

Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa tăng 11.22 điểm (+ 1.05%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

(1) Tài chính khác, chứng khoán, sản xuất nhựa hóa chất, nông lâm ngư, bán lẻ, vật liệu xây dựng ... là nhóm tăng giá nhiều nhất trên sàn trong ngày. Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như IPA, OGC, VND, SSI, HCM, VCI, SHS, GVR, DGC, DCM, BMP, AAA, GEX, SAM, RAL, PAC, MBG, DQC, IDI, ANV, CMX, VHC, MWG, VGC, FRT, HAX, HPG, HSG, VCS, HT1, NKG... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) VGC tăng giá tốt trong phiên hôm nay:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là “White Closing Marubozu”;
- ✓ Cổ phiếu phá vỡ kênh tăng giá thiết lập từ ngày 22/3/2023 trở lại đây – Thiết lập kênh tăng giá dốc hơn thay vì kênh tăng giá thoải;
- ✓ Kháng cự hiện tại quanh vùng giá 42 – Đường trung bình động MA(200);
- ✓ Giá tăng kèm theo sự gia tăng của khối lượng là tín hiệu tốt về kỹ thuật;
- ✓ Thông tin hỗ trợ cho đà tăng giá của cổ phiếu là Bộ Xây Dựng đang chào thầu tìm đơn vị tư vấn đề thoái vốn VGC trong năm;
- ✓ Việc GEX tăng giá khiến 2 cổ phiếu hưởng lợi gián tiếp là VIX và GEX trong đó đặc biệt là VIX vì sẽ được hoàn nhập dự phòng đầu tư vào VGC;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 58%;

(ii) VND tăng giá tốt trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là “White Closing Marubozu”;
- ✓ Cổ phiếu phá kênh giảm giá thiết lập từ ngày 16/12/2023 – VND đã xác nhận xu hướng tăng giá mới trong phiên hôm nay;
- ✓ Vùng giá mục tiêu ngắn hạn của mô hình này là 20;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 55%;

(iii) IDI tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là “White Closing Marubozu”;
- ✓ Về “Price Action” phiên giao dịch hôm nay là “Bullish Sign”;
- ✓ Điểm trừ là hiện tại giao dịch tạo thành mẫu hình “Bearish Gartley sau mẫu hình “Bearish Bat”. Dựa trên lịch sử, cổ phiếu vẫn thường điều chỉnh giảm khi có những mẫu hình này dù mức độ điều chỉnh giảm không lớn;
- ✓ Kháng cự động MA(200) quanh vùng giá 13;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 52%;

(iv) GVR tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là “White Closing Marubozu”;
- ✓ Giá thiết lập mốc cao mới và vượt kháng cự động MA(200);
- ✓ RSI(14) vào vùng quá mua và thiết lập mốc cao mới;
- ✓ Dải băng mở ra hỗ trợ giá lên;
- ✓ Giá mục tiêu là 20;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 58%;

(2) Sản xuất phụ trợ ... là nhóm giảm giá nhiều nhất trong ngày. Đà giảm được dẫn dắt PNJ, TLG, SHI, HHP... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) PNJ điều chỉnh giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là “Black Candle”;
- ✓ Giá vẫn vận động khá tiêu cực với sóng giảm giá số 5;
- ✓ Mục tiêu giá là vùng giá 70 hoặc 64;
- ✓ Giá bám biên dải băng dưới – Với mẫu hình này cần có những mẫu hình đảo chiều thiết lập mới nên dò đáy. Về cơ bản sẽ cần thời gian;
- ✓ Việc các quỹ ETF Dimond điều chỉnh giảm tỷ trọng PNJ khiến cổ phiếu này giảm;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 55%;

(ii) HHP giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là “Long Black Candle”;
- ✓ Phân kỳ âm cảnh báo sự đảo chiều của cổ phiếu;
- ✓ Cổ phiếu chưa xác nhận điểm bán theo các mô hình kỹ thuật nhưng đây đang là mẫu hình tiêu cực;
- ✓ Cổ phiếu này mang tính đầu cơ cao và khi có tín hiệu xấu, nhà đầu tư cần cảnh giác và sẵn sàng bán cổ phiếu nếu đang nắm giữ;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 53%;

(3) FIT, SRA đại diện cho nhóm vốn hóa vừa và nhỏ tăng giá mạnh trong ngày:

(i) FIT trần trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là “White Candle”;
- ✓ Giá thiết lập mốc cao mới;
- ✓ Cổ phiếu đang trong sóng 3 với giá mục tiêu từ 8 – 11;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 54%;

(ii) SRA trần trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là “White Closing Marubozu”;
- ✓ Giá thiết lập mốc cao mới và chạm kháng cự động MA(200);
- ✓ Cổ phiếu đang trong sóng 5 là giá 5;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 70%;

Phân tích kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “Long White Candle”. Khối lượng giao dịch tăng và nằm trên trung bình 20 ngày. Giá tăng khối lượng tăng là tín hiệu tốt về mặt kỹ thuật.

Các điểm cần lưu ý: (i) VN-Index đã có một “Break out” khỏi kênh kháng cự của mẫu hình tam giác. “Break out” với sự kết hợp của khối lượng, độ rộng mã dẫn dắt và hiện tượng đầu cơ luôn là tín hiệu tốt về mặt kỹ thuật. (ii) Hiện cổ phiếu đang đối mặt với kháng cự MA(200) ngày. Một “Break out” tại khu vực kháng cự này cũng sẽ xác nhận chỉ số sẽ trở lại xu hướng tăng giá dài hạn. (iii) Khối ngoại đã quay trở lại mua ròng cũng là tín hiệu tốt giảm áp lực với nhóm VN30. Điều này lập tức đẩy chỉ số tăng điểm mạnh hơn và sự hào hứng đã xuất hiện. (iv) ADX(14) bắt đầu tăng lên và có dấu hiệu thoát khỏi xu hướng ngang. Tín hiệu này một lần nữa cho thấy thị trường đang giao dịch tốt. (v) Trong báo cáo chu kỳ thị trường mà chúng tôi gửi tới nhà đầu tư, chúng tôi nhận thấy chu kỳ tạo đáy đang lặp lại và điều này thể hiện rõ ở phân lớp cổ phiếu tăng giá đang khá giống với những gì chúng tôi kỳ vọng. Về mặt này, nhà đầu tư có thể sử dụng chiến lược phân bổ 5-3-2 và mua vào nắm giữ cổ phiếu sẽ đạt hiệu suất cao hơn.

Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 11 mã cho tín hiệu mua, 02 mã cho tín hiệu bán, 17 mã cho tín hiệu đi ngang. GVR, VHM, PLX, GAS...cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất tăng điểm là 50% và 100% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Thống kê cho thấy chỉ số sẽ giao dịch giằng co giữa tăng và giảm điểm với giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa vào ngày tiếp theo. Hỗ trợ là 1,018 điểm và kháng cự là 1,100 điểm.

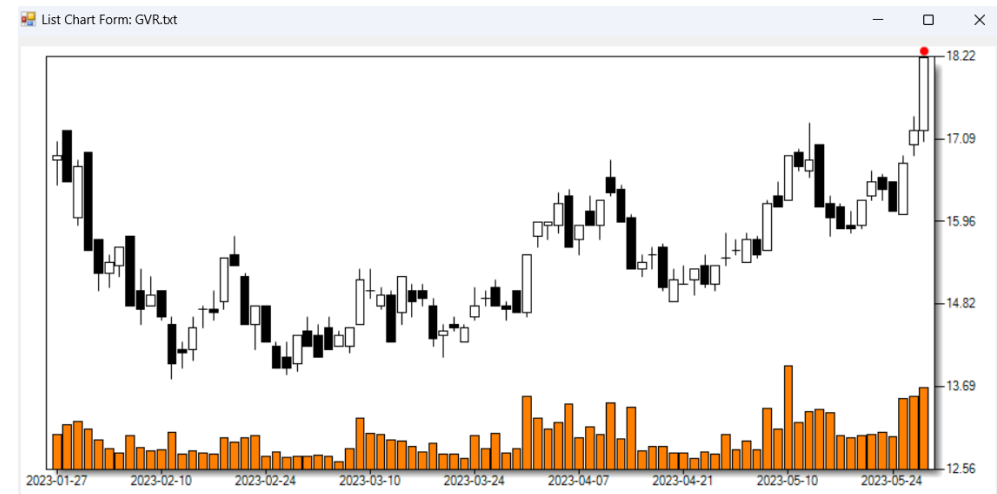
Biểu đồ kỹ thuật chỉ số VN-Index



Đồ thị cổ phiếu VGC



Đồ thị cổ phiếu GVR



HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỎ PHIẾU TRONG NGÀY

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	411.32	410.06	412.58	NO	416.36	418.88	423.92	426.44	408.8	403.76	401.24	396.2
HNXINDEX	219.58	219.21	219.94	NO	221.29	222.28	223.99	224.98	218.59	216.88	215.89	214.18
UPINDEX	80.96	80.88	81.05	NO	81.3	81.46	81.8	81.96	80.8	80.46	80.3	79.96
VN30	1068.1	1067.2	1068.9	YES	1073.3	1076.9	1082.1	1085.7	1064.5	1059.2	1055.7	1050.4
VNXALL	1666.1	1663.2	1669	NO	1678.8	1685.6	1698.3	1705.1	1659.3	1646.6	1639.7	1627
VNINDEX	1073.1	1072.2	1074.1	YES	1079	1083.1	1088.9	1093	1069.1	1063.2	1059.2	1053.3
VN30F1M	1065.3	1063.9	1066.6	NO	1071.2	1074.5	1080.4	1083.7	1062	1056.1	1052.8	1046.9
VN30F1Q	1059	1057.6	1060.5	NO	1065	1067.9	1073.9	1076.8	1056.1	1050.1	1047.2	1041.2
VN30F2M	1061.4	1060.1	1062.7	NO	1066.6	1069.2	1074.4	1077	1058.8	1053.6	1051	1045.8
VN30F2Q	1058.7	1057.5	1059.8	NO	1063.3	1065.7	1070.3	1072.7	1056.3	1051.7	1049.3	1044.7
BID	43.75	43.68	43.82	NO	44.1	44.3	44.65	44.85	43.55	43.2	43	42.65
BVH	43.87	43.83	43.91	YES	44.23	44.52	44.88	45.17	43.58	43.22	42.93	42.57
CTG	27.98	27.97	27.99	YES	28.17	28.33	28.52	28.68	27.82	27.63	27.47	27.28
GVR	17.82	17.63	18.01	NO	18.58	18.97	19.73	20.12	17.43	16.67	16.28	15.52
GAS	93.9	93.95	93.85	YES	94.3	94.8	95.2	95.7	93.4	93	92.5	92.1
HDB	18.77	18.75	18.78	YES	18.93	19.07	19.23	19.37	18.63	18.47	18.33	18.17
FPT	83.23	83.3	83.17	YES	83.57	84.03	84.37	84.83	82.77	82.43	81.97	81.63
HPG	21.37	21.33	21.41	NO	21.53	21.62	21.78	21.87	21.28	21.12	21.03	20.87
KDH	29.95	29.95	29.95	YES	30.05	30.15	30.25	30.35	29.85	29.75	29.65	29.55
MBB	18.67	18.63	18.71	NO	18.83	18.92	19.08	19.17	18.58	18.42	18.33	18.17
MWG	38.52	38.43	38.61	NO	38.88	39.07	39.43	39.62	38.33	37.97	37.78	37.42
MSN	71.73	71.8	71.67	YES	72.07	72.53	72.87	73.33	71.27	70.93	70.47	70.13
NVL	13.08	13.1	13.07	NO	13.22	13.38	13.52	13.68	12.92	12.78	12.62	12.48
PDR	13.63	13.6	13.67	NO	13.87	14.03	14.27	14.43	13.47	13.23	13.07	12.83
PLX	37.92	37.93	37.91	YES	38.13	38.37	38.58	38.82	37.68	37.47	37.23	37.02
POW	13.65	13.68	13.63	NO	13.75	13.9	14	14.15	13.5	13.4	13.25	13.15
SAB	155.97	156.3	155.63	NO	156.73	158.17	158.93	160.37	154.53	153.77	152.33	151.57
SSI	23.2	23.1	23.3	NO	23.65	23.9	24.35	24.6	22.95	22.5	22.25	21.8
STB	27.57	27.5	27.63	NO	27.83	27.97	28.23	28.37	27.43	27.17	27.03	26.77
TCB	30.07	30	30.13	NO	30.33	30.47	30.73	30.87	29.93	29.67	29.53	29.27
TPB	24.15	24.08	24.22	NO	24.6	24.9	25.35	25.65	23.85	23.4	23.1	22.65
VCB	93.37	93.5	93.23	NO	94.73	96.37	97.73	99.37	91.73	90.37	88.73	87.37
VHM	55.6	55.65	55.55	YES	56.2	56.9	57.5	58.2	54.9	54.3	53.6	53
VIB	21.2	21.15	21.25	NO	21.4	21.5	21.7	21.8	21.1	20.9	20.8	20.6
VJC	99.03	98.8	99.27	NO	99.97	100.43	101.37	101.83	98.57	97.63	97.17	96.23
VIC	52.53	52.45	52.62	NO	53.07	53.43	53.97	54.33	52.17	51.63	51.27	50.73
VPB	19.33	19.33	19.34	YES	19.47	19.58	19.72	19.83	19.22	19.08	18.97	18.83
VNM	67.3	67.4	67.2	NO	67.5	67.9	68.1	68.5	66.9	66.7	66.3	66.1
VRE	27.75	27.78	27.72	YES	27.8	27.9	27.95	28.05	27.65	27.6	27.5	27.45
VRE	29.93	29.65	30.22	NO	31.32	32.13	33.52	34.33	29.12	27.73	26.92	25.53

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

CÁC CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
HAG	24,233,300	10,356,410	234	3.6
ACB	16,572,400	7,335,760	226	0.6
IDI	10,553,100	2,515,840	419	6.96
ITA	10,546,300	4,009,540	263	6.87
EIB	8,302,000	2,574,450	322.48	3.58
TPB	6,814,100	2,951,430	231	2.75
TCB	6,010,500	1,451,610	414	4.75
AMV	4,749,700	2,147,200	221.2	4.35
KVC	4,252,000	1,337,940	318	5.56
NRC	4,151,200	1,726,400	240	8.51
DAH	4,151,100	1,582,790	262.26	5.39
MST	3,860,200	1,909,000	202	10
VGC	3,388,500	1,160,590	292	6.91
HHG	2,966,700	649,390	457	6.67
HVN	2,875,000	968,880	297	3.15
AAT	2,322,200	1,005,760	230.89	6.95
CRE	2,112,600	349,590	604	0.49
SZC	1,962,900	962,760	204	4.96
EVF	1,845,200	724,660	255	6.94
CMX	1,689,400	630,920	268	5.73
VHE	1,656,400	310,680	533.15	10
PAS	1,469,600	686,530	214	9.09
FID	1,449,700	528,410	274	5.56
LCM	1,353,100	423,210	320	8
PXL	1,343,700	547,550	245	11.27
HTI	1,283,800	627,120	204.71	1.74
AAV	1,238,900	415,840	298	10
HCD	1,212,900	398,190	305	6.87
HAR	1,212,300	437,620	277	6.52
HAP	1,204,600	306,800	393	6.93
VC2	1,154,600	511,470	226	9.62
TNI	1,086,000	391,490	277	6.8
VGT	1,081,600	349,330	310	3.45
TNT	999,800	190,750	524	3.16
CSV	753,500	221,510	340	3.91
SDA	725,200	192,400	377	9.86
TLD	619,000	251,990	246	6.86
EVS	618,500	185,910	333	10
PVG	564,600	206,330	274	6.98
PTL	538,400	144,510	373	6.84

- Lưu ý: HAG, ACB, IDI, TPB... bùng nổ khối lượng giao dịch;

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÁNG QUAN TÂM VÀO NGÀY MAI

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
29-May	VGC	Mua	≤ 41.5	10 % - 20%	Buy Kumo Break out/Cổ phiếu có tin thoái vốn của Bộ Xây Dựng
29-May	VGT	Mua	≤ 12.5	10 % - 20%	Buy Kumo Break out/Cổ phiếu khá khó giao dịch

Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **MỞ MUA 02 CỔ PHIẾU MỚI**.

Dự báo về xu hướng

- Thị trường có vẻ lại rơi vào trạng thái đi ngang quanh biên độ 100 điểm với hỗ trợ quanh 1000 và kháng cự quanh 1,100 điểm..
- Dầu khí, chứng khoán nhỏ và các cổ phiếu thị giá nhỏ vẫn có thể là điểm tới của dòng tiền.
- Nhóm có yếu tố cơ bản tốt hoặc kỳ vọng sẽ tốt trong giai đoạn tới đang là điểm tới của dòng tiền – Một sự trở lại cần thiết của thị trường;
- Nhóm vốn hóa lớn chịu áp lực giảm giá do nhà đầu tư nước ngoài bán ròng mạnh. Xu hướng này có lẽ cần vài phiên giao dịch nữa mới có thể tìm thấy điểm hỗ trợ tốt của nhóm VN30;
- Chiến lược mua và nắm giữ đang tỏ ra có hiệu quả cao hơn so với lướt sóng trong giai đoạn qua;

Tin tức kinh tế, vĩ mô:

- Báo cáo của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho thấy, kết quả xuất khẩu gạo tháng 4-2023 của Việt Nam khoảng 1,1 triệu tấn, đạt kim ngạch 574 triệu đô la Mỹ, tăng 14,4% về lượng và 12,8% về giá trị so với tháng trước và lần lượt tăng 98,1% về lượng và 108,1% về giá trị so với cùng kỳ năm ngoái. Kết quả nêu trên đã đưa lũy kế xuất khẩu gạo 4 tháng đầu năm nay đạt 2,95 triệu tấn với kim ngạch 1,55 tỉ đô la, tăng 43,6% về lượng và 54,5 về giá trị so với cùng kỳ năm ngoái. Giá xuất khẩu gạo bình quân 4 tháng đầu năm 2023 của Việt Nam đạt 526 đô la Mỹ/tấn, tăng 7,6% so với cùng kỳ năm ngoái. Tuy nhiên, trái ngược với bức tranh xuất khẩu gạo khá quan cả về khối lượng, kim ngạch lẫn giá bán, không ít doanh nghiệp hoạt động ở lĩnh vực này đang sụt giảm lợi nhuận, thậm chí thua lỗ.
- Thị trường mở: Trên thị trường mở tuần từ 22/05 - 26/05, trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu ở 2 kỳ hạn 7 ngày và 28 ngày, mỗi kỳ hạn 50.000 tỷ đồng, 2 phiên đầu với lãi suất 5,0%, 3 phiên cuối với lãi suất giảm xuống mức 4,5%. Có 547,61 tỷ đồng trúng thầu ở kỳ hạn 7 ngày, kỳ hạn 28 ngày không có khối lượng trúng thầu; có 753,48 tỷ đồng đáo hạn. NHNN không chào thầu tín phiếu NHNN, có 48.999,8 tỷ đồng tín phiếu đáo hạn trong tuần qua. Như vậy, NHNN bơm ròng 48.793,93 tỷ đồng ra thị trường thông qua nghiệp vụ thị trường mở. Khối lượng lưu hành trên kênh cầm cố hiện tại giảm xuống mức 1.481,84 tỷ VND, tín phiếu NHNN giảm xuống mức 41.700 tỷ VND.

Các thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).
- Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:
- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm “Uncle”: Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;

BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY

Cập nhật KQKD Q1/2023 của các công ty chứng khoán

KỶ BÁO CÁO: Q1-2023										
Mã CK	Doanh thu thuần và hoạt động kinh doanh	Chi phí hoạt động kinh doanh	Chi phí hoạt động / Doanh thu hoạt động	Lợi nhuận gộp	Lợi nhuận sau thuế của CĐ cty mẹ	Tổng nợ / Vốn (lần)	ROE 4Q (%)	EPS 4Q (VNĐ/CP)	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	% YTD
	VND	VND	%	VND	VND	Lần	(*)	(**)	(**)	(*)
SSI	1.489.415.466.692	392.914.314.284	26.38%	1.096.501.152.408	902.796.729.137	1.29	6.55%	996	1.501.130.137	-26.81%
VPS	1.362.278.590.336	1.034.998.880.302	75.91%	328.179.710.034	116.460.066.752	1.50	7.94%	1.196	570.005.700	-45.63%
TCBS	831.402.619.111	189.615.990.687	22.81%	741.786.628.424	333.505.150.221	1.22	16.06%	16.147	112.699.420	-44.99%
HCM	630.485.845.565	391.091.628.443	62.03%	239.394.217.122	123.755.805.540	0.76	8.65%	1.514	458.052.367	-49.97%
VND	1.290.992.113.294	633.321.797.205	49.00%	657.670.316.089	135.676.402.052	1.53	4.06%	489	1.217.844.009	-27.11%
SHS	677.107.417.732	573.240.893.891	84.66%	103.866.523.841	40.924.295.631	0.16	-1.33%	-155	813.156.748	-1.26%
VCI	499.209.829.318	234.875.083.269	47.05%	264.334.746.049	73.054.362.713	1.18	7.64%	1.205	435.499.901	-37.33%
TVSI	79.377.077.972	43.162.069.140	54.38%	36.215.008.832	12.700.145.914	0.05	6.14%	915	263.900.000	-40.72%
MASC	562.019.187.461	361.862.925.230	64.39%	200.156.262.231	128.311.955.996	1.09	6.41%	905	659.950.000	-25.16%
MBS	335.886.130.586	114.964.486.403	34.23%	220.921.644.183	121.232.147.338	1.08	9.45%	1.144	380.933.118	-44.89%
KIS	479.214.882.132	333.085.821.241	69.51%	146.129.060.891	78.983.661.945	0.74	1.82%	237	376.157.855	-17.03%
ORS	698.536.921.348	489.377.238.486	70.06%	209.159.682.862	61.026.179.461	1.89	-1.04%	-123	200.000.000	-13.86%
BSI	287.167.734.226	110.388.357.319	38.44%	176.779.376.907	97.687.899.734	1.76	2.84%	675	187.800.120	-13.64%
VIX	272.028.447.637	253.838.643.445	93.24%	18.389.804.192	10.438.756.770	0.00	0.69%	93	582.139.189	-39.04%
VCJ	260.048.460.460	33.888.786.109	13.02%	226.179.674.351	105.050.668.216	1.15	6.25%	924	250.000.000	-7.47%
KBSV	258.542.078.012	49.529.903.820	19.16%	209.012.174.192	57.964.847.827	1.73	3.86%	510	300.168.613	-3.30%
TVS	297.049.864.911	92.274.478.474	31.06%	204.775.386.437	41.314.940.723	0.41	0.86%	145	109.175.184	16.43%
CTS	199.016.347.011	86.549.280.887	43.49%	112.467.066.124	10.776.575.312	2.43	1.30%	163	148.738.311	-12.11%
ACBS	283.323.382.613	153.265.300.763	54.10%	130.058.081.850	94.991.356.512	0.42	0.49%	70	300.000.000	-37.40%
EVG	61.862.532.441	84.859.036.662	137.17%	-22.995.504.221	-35.386.357.558	0.23	0.56%	103	103.000.400	-79.88%
FTS	177.658.799.911	62.878.276.635	35.38%	114.820.523.278	79.135.768.749	0.81	5.46%	945	195.959.951	-41.28%
BVS	137.800.968.807	55.068.910.934	39.96%	82.731.997.873	27.276.657.370	0.84	5.66%	1.737	72.233.937	-44.78%
VDS	139.614.357.979	36.549.883.541	26.18%	103.064.474.138	55.315.327.495	0.86	7.71%	-776	210.000.000	-52.48%
BMS	55.790.062.475	34.179.024.056	61.25%	21.620.038.419	12.919.902.454	0.45	35.24%	-3.020	60.989.375	-71.59%
KimEng	122.940.516.952	39.938.716.089	32.49%	83.001.798.863	42.761.971.912	0.95	6.40%	866	220.000.000	-33.22%
Yuantia	116.055.795.529	65.362.716.534	56.32%	50.693.078.995	19.316.883.845	0.45	3.64%	422	250.000.000	-29.53%
AGR	84.511.703.726	6.908.966.579	8.16%	77.602.737.147	43.977.263.090	0.11	5.52%	650	215.391.309	-16.93%
APS	126.954.538.580	85.197.254.344	67.11%	41.757.284.236	30.060.615.013	-35.10%	0.01	-5.606	83.000.000	23.53%
PSI	83.547.638.664	49.773.222.879	59.57%	33.774.415.785	10.364.533.443	0.82	3.19%	357	59.841.300	-28.92%

KỶ BÁO CÁO: Q1-2023										
Mã CK	Doanh thu thuần và hoạt động kinh doanh	Chi phí hoạt động kinh doanh	Chi phí hoạt động / Doanh thu hoạt động	Lợi nhuận gộp	Lợi nhuận sau thuế của CĐ cty mẹ	Tổng nợ / VỐN (lần)	ROE 4Q (%)	EPS 4Q (VNĐ/CP)	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	% YTD
	VND	VND	%	VND	VND	Lần	(*)	(**)	(**)	(*)
APG	50.179.225.332	6.088.880.370	12.13%	44.090.344.962	42.494.343.509	0.03	16.17%	-1.542	146.306.612	-57.06%
TVB	20.839.199.721	9.189.279.298	44.10%	11.649.920.423	1.043.334.468	0.06	-1.57%	-172	112.097.019	-72.81%
TCJ	28.159.661.655	9.688.207.438	34.33%	18.491.454.217	6.778.079.812	0.13	3.45%	419	100.979.982	-61.89%
Shinhan	97.334.487.027	60.853.914.790	62.31%	36.680.572.237	16.146.394.829	0.12	3.29%	374	191.260.000	47.16%
SBS	25.124.723.890	6.667.876.033	26.54%	18.456.847.857	586.408.822	0.48	12.03%	-529	146.607.600	-43.24%
HAC	16.497.003.558	8.482.440.729	51.48%	10.014.562.829	6.582.977.864	0.04	15.05%	-2.666	29.181.096	-1.58%
HFT	58.876.540.029	23.833.394.800	40.14%	35.243.145.229	-3.036.621.400	0.04	-0.02%	-2	97.000.000	7.65%
WSS	7.721.268.656	24.848.012.130	319.22%	-16.926.743.474	-18.276.845.882	0.01	-4.34%	-486	50.300.000	90.98%
IVS	13.112.312.569	2.298.335.076	17.53%	10.813.977.493	8.175.205.091	0.06	2.24%	238	69.350.000	-46.02%
HBS	3.159.964.322	1.219.786.044	38.60%	1.940.177.918	4.590.939.582	0.01	-0.97%	-119	32.999.980	-82.98%
DSC	67.458.695.384	18.700.098.166	27.72%	48.758.687.218	11.133.151.490	1.65	2.86%	308	100.000.000	102.92%
VIG	5.974.698.733	1.043.545.718	17.47%	4.931.153.018	5.615.894.727	0.04	2.48%	171	45.133.300	25.32%

(*) EPS 4Q gần nhất, ROE 4Q) được tính dựa trên số lượng cổ phiếu lưu hành & Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/03/2023. CHỈ SỐ ĐƯỢC SỬ DỤNG CÓ LƯU Ý: SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU ĐANG LƯU HÀNH TẠI NGÀY 31/03/2023
 (**) EPS 4Q gần nhất được tính dựa trên số lượng cổ phiếu lưu hành đến ngày 24/05/2023

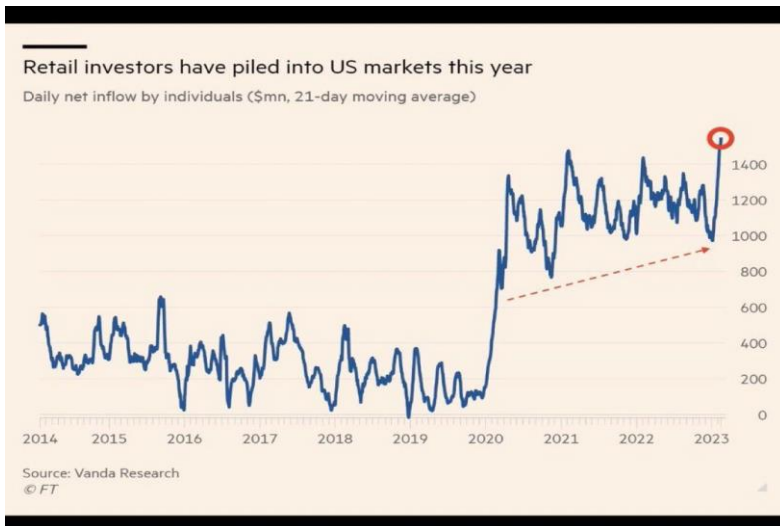
KỶ BÁO CÁO: Q1-2023										
Mã CK	Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	Chi phí môi giới chứng khoán	Lãi gộp HD môi giới	% YoY	Giá trị giao dịch thực hiện trong kỳ (của Nhà đầu tư)	% YoY	Phi giao dịch bình quân (%)	Tổng Tài sản tài chính của Khách hàng tại CTCK	% YTD	
	VND	VND	VND		VND		%	VND		
SSI	256.927.109.507	252.320.153.443	4.606.956.064	-97.82%	309.301.813.687.012	-34.40%	0.08%	91.920.234.417.728	-1.14%	
VPS	411.294.320.052	359.850.080.649	51.443.339.403	-72.17%	2.552.702.915.609.440	279.56%	0.02%	110.855.024.481.139	-2.27%	
TCBS	82.997.986.781	21.824.008.222	61.173.978.559	-74.91%	762.392.092.246.739	249.40%	0.01%	145.317.007.921.687	-2.87%	
HCM	132.393.504.272	98.725.045.991	33.668.458.681	-71.14%	472.055.229.483.166	-3.80%	0.03%	36.895.729.506.146	10.22%	
VND	145.761.503.896	111.339.726.321	34.421.777.575	-84.87%	34.411.320.060.000	-91.94%	0.42%	78.073.784.921.800	-2.08%	
SHS	33.548.686.927	29.872.546.941	3.676.139.986	-92.29%	36.205.034.716.370	-66.47%	0.09%	44.620.308.034.432	-8.81%	
VCI	88.916.009.894	82.161.009.090	6.755.000.804	-97.85%						
TVSI	11.516.516.627	38.017.225.775	-26.500.709.148	-190.92%	6.462.507.796.155	-95.12%	0.18%	10.252.002.175.050	-3.17%	
MASC	104.901.902.840	124.838.020.631	-19.936.117.791	-148.95%	152.565.906.893.260	-7.65%	0.07%	38.890.178.471.435	1.90%	
MBS	93.109.539.860	97.690.620.017	-4.580.980.157	-104.81%	61.198.191.605.390	-62.02%	0.15%	40.007.633.548.954	-2.19%	
KIS	63.544.737.890	43.003.859.885	20.540.878.005	-51.16%	41.373.575.734.410	-62.69%	0.15%	17.354.469.892.678	8.62%	
ORS	8.666.490.888	14.069.502.062	-5.503.011.364	-1303.16%	5.688.993.344.290	-73.34%	0.15%	6.745.654.099.455	6.04%	
BSI	53.390.765.469	49.455.658.920	3.934.906.549	-85.74%	101.910.868.709.259	-25.81%	0.05%			
VIX	13.055.632.304	8.458.053.584	4.597.578.720	-86.86%	8.711.655.622.770	-7.65%	0.15%	10.467.967.955.854	24.27%	
VCB	58.417.068.373	36.117.580.321	22.299.486.052	-72.85%	48.516.275.485.780	-56.20%	0.12%	48.113.327.016.320	2.27%	
KBSV	40.484.491.156	46.915.937.761	-6.231.446.603	-192.72%	27.720.029.106.950	-60.54%	0.15%	17.276.346.262.219	-0.75%	
TVS	3.305.070.037	5.758.719.363	-2.453.649.326	-339.78%	2.295.284.709.285	-61.14%	0.14%	1.607.331.858.276	0.98%	
CTS	14.726.419.230	13.050.267.491	1.676.151.739	-89.32%	9.649.213.964.230	-58.94%	0.15%	18.404.352.881.773	0.81%	
ACBS	51.309.799.603	42.505.305.235	8.804.494.368	-86.69%	42.953.512.294.990	-52.66%	0.12%	31.220.144.549.549	4.42%	
EVS	5.655.193.563	8.876.534.008	-3.221.340.445	-167.26%	4.287.134.357.090	-85.13%	0.13%	6.030.438.657.229	2.99%	
FTS	51.071.564.589	31.138.137.649	19.933.426.940	-70.39%	40.149.048.188.120	-65.68%	0.13%	17.276.346.262.219	-0.75%	
BVS	46.341.513.016	40.919.769.848	5.421.744.168	-64.15%	34.194.285.374.990	-55.70%	0.14%	24.951.443.286.170	-4.58%	
VDS	34.198.296.718	29.277.903.120	5.920.393.598	-83.26%	29.983.572.952.780	-41.76%	0.11%			
BMS	1.307.030.693	756.633.675	550.397.018	-98.13%	840.074.149.200	-92.17%	0.16%			
KimEng	37.910.490.333	35.387.741.664	2.522.748.669	-88.11%	16.623.095.642.090	-59.30%	0.23%	12.970.697.338.290	-3.90%	
Yuantia	29.552.557.362	34.140.779.410	-4.588.222.048	-146.20%	19.310.390.551.960	-63.73%	0.15%			
AGR	9.232.593.367	4.365.801.910	4.866.791.457	-88.15%	5.638.665.501.710	-66.22%	0.16%			
APS	1.881.575.339	1.602.036.374	79.538.965	-92.05%	2.597.223.759.470	-67.98%	0.06%	2.918.033.166.066	-5.00%	
PSI</										

TTCK MỸ: TTCK Mỹ đã qua khúc cua quan trọng đầu tiên

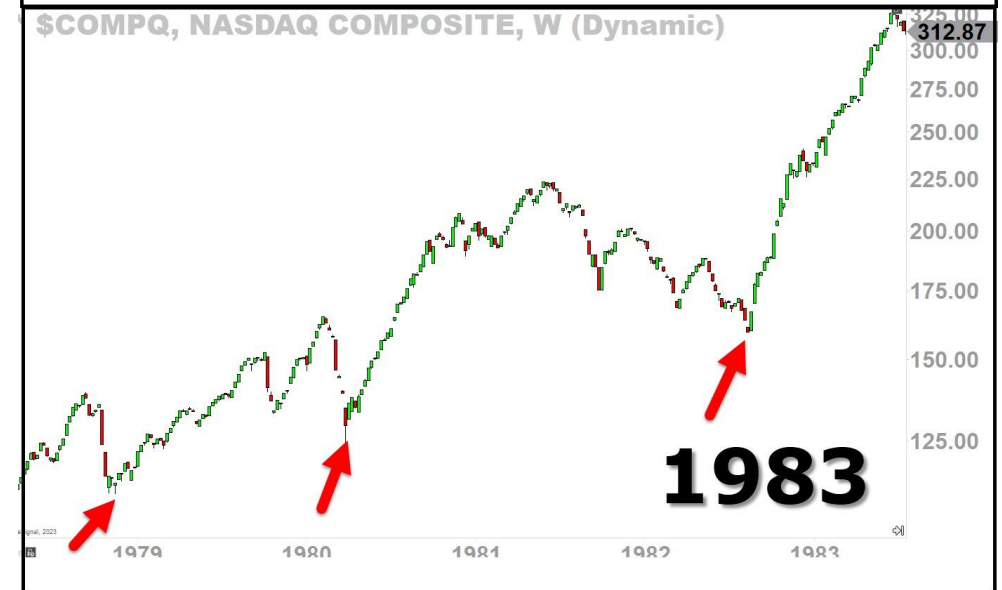
S&P 500 đã hoàn thành bước 1 của mô hình tăng giá kinh điển



Các nhà đầu tư nhỏ lẻ đã thiết lập cuộc chơi giai đoạn vừa qua khi tổ chức bị quan



Nasdaq đang lặp lại hình ảnh năm 1983 ?



Kết luận: Dự báo tôi nay các chỉ số sẽ tăng điềm .

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

(*)Bản quyền: Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest

Tuyên bố miễn trách nhiệm: Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.



CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN SMART INVEST

Trung tâm nghiên cứu và phân tích

TRỤ SỞ CHÍNH:

Toà nhà Smart Invest, Số 222 Nguyễn Lương Bằng, P.Quang Trung , Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

Tel: 0243 – 5739779

Fax: 0243 – 5739769